



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0093-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : 14/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : KT1/02/14.06.2024; KT2/02/14.06.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	CO ^(Δ)	SOP_HTKT01	-	0÷11400 mg/Nm ³
2	SO ₂ ^(Δ)	SOP_HTKT01	-	0÷13100 mg/Nm ³
3	NO _x ^(Δ)	SOP_HTKT01	-	NO: 0÷4920 mg/Nm ³ NO ₂ : 0÷2068 mg/Nm ³
4	Lưu lượng ^(Δ)	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h
5	Nhiệt độ ^(Δ)	SOP_HTKT02	-	0÷1200°C
6	HF ^(Δ)	US EPA Method 26A	US EPA Method 26A	0,0040 mg/Nm ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Vị trí quan trắc	Lưu lượng	Nhiệt độ	HF	CO	SO ₂	NO _x
Đơn vị	P (m ³ /h)	(°C)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1. Tại ống thoát lò nung Gas	6.017	163	KPH	KPH (<IDL=1,14)	KPH (<IDL=2,62)	KPH (<IDL=1,23)
2. Tại ống thoát lò nung điện	3.666	104	KPH	KPH (<IDL=1,14)	KPH (<IDL=2,62)	KPH (<IDL=1,23)
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p = 1 và K _v = 1	-	20	1000	500	850

Ghi chú:

^(Δ): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ lấy mẫu và phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet, Vimcerts 026)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0093-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Nước thải sản xuất sau HTXL
Ngày lấy mẫu : 14/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT1/02/14.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, $K_f=0,9$; $K_f=1,1$)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a)	-	7,43	2 ÷ 12	6 – 9	TCVN 6492:2011
2	Độ màu ^(a)	Pt-Co	31	0 ÷ 500	50	HD-QT-19*
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	21,3	1,0	29,7	SMEWW 5210B:2017
4	COD ^(a)	mg/L	48,0	3,0	74,25	SMEWW 5220C:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	31,0	4,0	49,5	TCVN 6625:2000
6	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0023	0,099	SMEWW 3113.B:2023
7	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0030	2,97	SMEWW 3111.B:2023
8	Sn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0008	-	SMEWW 3125B:2023
9	Sắt ^(a)	mg/L	KPH	0,05	0,99	SMEWW 3500-Fe.B:2017

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

*HD-QT-19: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo Độ màu tại hiện trường

^(Δ): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ lấy mẫu và phân tích (Trung Tâm Công Nghệ Môi Trường Coshet, Vimcerts 026)

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Viện Nhiệt Đới Môi Trường, Vimcerts 009)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0093-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXL
Ngày lấy mẫu : 14/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/02/14.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A, K=1	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A (K _q =0,9; K _r =1,1)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (*)	-	6,71	2 ÷ 12	5 – 9	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	16,2	1,0	30	29,7	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	38,0	3,0	-	74,25	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	29,0	4,0	50	49,5	TCVN 6625:2000
5	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,96	1,0	5	4,95	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nito ^(a)	mg/L	4,14	2,0	-	19,8	TCVN 6638:2000
7	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,39	0,03	-	3,96	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,29	0,03	6	-	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	3.000	3.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0093-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ : Số 333 đường Hưng Định 24, Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Loại mẫu : Mẫu trên suối Đền cách công ty 30m về phía hạ lưu
Ngày lấy mẫu : 14/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NM1/02/14.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	QCVN 08:2023/BTNMT			Phương pháp phân tích
					Bảng 1	Bảng 2		
						Mức B	Mức C	
1	pH ^(a) (*)	-	7,52	2 ÷ 12	-	6,0-8,5	6,0-8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	9,15	1,0	-	≤ 6	≤ 10	SMEWW 5210B:2017
3	COD ^(a)	mg/L	22,0	3,0	-	≤ 15	≤ 20	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	42,0	4,0	-	≤ 100	> 100 và không có rác nổi	TCVN 6625:2000
5	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	0,3	-	-	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nito ^(a)	mg/L	KPH	2,0	-	≤ 1,5	≤ 2,0	TCVN 6638:2000
7	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	0,51	0,03	-	≤ 0,3	≤ 0,5	SMEWW 4500- P.B&E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	0,40	0,03	-	-	-	SMEWW 4500- P.E:2017
9	Coliform ^(a)	MPN/100mL	4.200	2	-	≤ 5.000	≤ 7.500	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.